TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Mai Thị Kim A, sinh năm 1999; Địa chỉ cư trú: Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Vẽ G, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2025, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, chị Mai Thị Kim A, trình bày: Vào năm 2016, sau thời gian tìm hiểu nhau, chị và anh Lê Vẽ G đã đi đến hôn nhân. Đến năm 2023, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng lên tỉnh Đồng Nai làm thuê. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, có 01 con chung. Đến tháng 11 năm 2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, đã ly thân từ đó đến nay, không hàn gắn tình

cảm được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Vẽ G. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Kim N, sinh ngày 17/4/2018. Chị thống nhất giao cho anh G được tiếp tục nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động, sinh sống được. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn anh Lê Vẽ G đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng anh G vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Mai Thị Kim A được ly hôn với anh Lê Vẽ G. Về việc nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Kim A, anh G được tiếp tục nuôi con chung. Về cấp dưỡng: Chị Kim A tự cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động, sinh sống được, nếu có tranh chấp giải quyết theo quy định chung. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Vẽ G là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Mai Thị Kim A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Vẽ G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị Kim A và anh Lê Vẽ G được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét, yêu cầu của chị Kim A là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa chị Kim A và anh G có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Chị Kim A và anh G không còn sống chung đã lâu vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập anh G đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh G đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị Kim A và anh G không

thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Mai Thị Kim A được ly hôn với anh Lê Vẽ G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Kim A tự nguyện giao con chung cho anh G được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với ý kiến của con chung nên chấp nhận, anh G cũng không có ý khác. Về cấp dưỡng, chị Kim A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động, sinh sống được là không trái quy định pháp luật, anh G không có ý kiến. Các đương sự không có yêu cầu ghi nhận trong bản án nên chị Kim A tự thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng có quyền khởi kiện theo quy định chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Kim A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; chị Kim A đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị Kim A. Cho chị Mai Thị Kim A được ly hôn với anh Lê Vẽ G.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của của chị Mai Thị Kim A.

2.1. Anh Lê Vẽ G được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Kim N, sinh ngày 17/4/2018.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị Kim A chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0014752 ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, chị Kim A đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú